

Số: /2025/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định xét, công nhận sáng kiến và các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến;

Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BNV của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ;

Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quyết định quy định xét, công nhận sáng kiến và các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định xét, công nhận sáng kiến và các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì hướng dẫn triển khai thực hiện quy trình xét công nhận sáng kiến và đánh giá hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến trên địa bàn Tỉnh.

2. Sở Nội vụ chủ trì hướng dẫn việc sử dụng kết quả đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến trong thi đua khen thưởng trên địa bàn Tỉnh.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 11 năm 2025.

2. Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quy định xét, công nhận sáng kiến và các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

3. Những trường hợp đã đề nghị xét công nhận sáng kiến và khả năng nhân rộng của sáng kiến cấp Tỉnh trước khi Quyết định này có hiệu lực thì áp dụng các quy định tại Quyết định này để tiếp tục thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành Tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra VB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND Tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Tỉnh;
- ĐU/UBND Tỉnh;
- CT và các PCT UBND Tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH Tỉnh;
- Báo và PTTH Đồng Tháp;
- UBND các xã, phường;
- VPUBND: CVP và các PCVP;
- Công TTĐT Tỉnh;
- Trung tâm THCB Tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (KD).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Minh Tuấn

QUY ĐỊNH

Xét, công nhận sáng kiến và các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND
ngày tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định điều kiện công nhận sáng kiến, các hoạt động xét, công nhận hiệu quả, khả năng nhân rộng của sáng kiến và các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân (bao gồm tác giả/đồng tác giả ngoài tỉnh có sáng kiến áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp) liên quan đến hoạt động đánh giá, công nhận khả năng nhân rộng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến để xét tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng.

3. Các nội dung khác không quy định tại Quy định này, thực hiện theo pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng được công nhận sáng kiến

Đối tượng được công nhận là sáng kiến gồm các giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật được giải thích theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến.

Điều 3. Cơ sở có quyền và trách nhiệm xét công nhận sáng kiến

Cơ sở là cơ quan, tổ chức được thành lập theo pháp luật, có thể nhân danh chính mình tham gia quan hệ pháp luật dân sự một cách độc lập.

Điều 4. Điều kiện công nhận sáng kiến

1. Sáng kiến được cơ sở công nhận nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có tính mới trong phạm vi cơ sở (tối đa 12 tháng kể từ ngày áp dụng hoặc áp dụng thử tính đến ngày nộp đơn);

b) Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, có khả năng nhân rộng;

2. Việc đánh giá tính mới và khả năng mang lại lợi ích thiết thực của sáng kiến được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến.

Điều 5. Tác giả và đồng tác giả sáng kiến

1. Tác giả sáng kiến, đồng tác giả sáng kiến đứng tên nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến phải là những người trực tiếp hoặc cùng nhau tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình;

2. Những người chỉ tham gia hỗ trợ, giúp việc cho tác giả trong quá trình tạo ra sáng kiến và áp dụng sáng kiến thì không được coi là đồng tác giả sáng kiến (ví dụ: Tính toán, làm thí nghiệm, mô hình, mẫu thử, vẽ kỹ thuật, gia công, chế tạo chi tiết, tìm thông tin tư liệu, đánh máy; hỗ trợ kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật);

Điều 6. Nguyên tắc xét, công nhận sáng kiến và đánh giá hiệu quả, khả năng nhân rộng của sáng kiến

1. Việc xét, công nhận sáng kiến và đánh giá hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến phải đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công khai, công bằng, thực chất và động viên được mọi tầng lớp nhân dân tích cực tham gia phong trào thi đua lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến;

2. Trường hợp Giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến đã: Đạt giải nhất, nhì, ba trong các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học - kỹ thuật cấp tỉnh, toàn quốc; hoặc được tặng Huy hiệu Tuổi trẻ sáng tạo của Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; hoặc được tặng Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; hoặc được tặng Bằng Chứng nhận Giải thưởng khoa học và công nghệ do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan nhà nước khác ở Trung ương; thì tác giả, đồng tác giả gửi kèm theo hồ sơ đề nghị công nhận bản sao các tài liệu chứng minh một trong các tiêu chuẩn quy định tại điều này về cơ quan thường trực Hội đồng đánh giá hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến trên địa bàn tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ) để báo cáo trong kỳ họp Hội đồng;

3. Sáng kiến đề nghị xét, công nhận hiệu quả, khả năng nhân rộng ở cấp cao hơn thì phải được công nhận và đề nghị của cấp dưới, bao gồm các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Chương II CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Mục 1. YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 7. Thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Đối với giải pháp chưa được áp dụng hoặc áp dụng thử, tác giả (đồng tác giả) có quyền nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến vào bất cứ thời điểm nào từ khi

tạo ra sáng kiến. Tuy nhiên, cơ sở có thẩm quyền tiếp nhận đơn chỉ tổ chức xét công nhận sáng kiến sau khi giải pháp đó được đưa vào áp dụng hoặc áp dụng thử.

2. Đối với giải pháp đã được áp dụng, thời hiệu thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP của Chính phủ ban hành Điều lệ công nhận Sáng kiến và được hướng dẫn chi tiết như sau:

a) Thời hiệu để xác định quyền yêu cầu công nhận sáng kiến được tính kể từ ngày sáng kiến được đưa vào áp dụng lần đầu tiên (nếu sáng kiến trải qua các lần áp dụng thử thì tính từ ngày áp dụng thử lần đầu tiên) và chấm dứt tại thời điểm kết thúc ngày, tháng tương ứng của năm kế tiếp năm sáng kiến được đưa vào áp dụng lần đầu;

b) Cơ sở có quyền từ chối tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến khi tác giả (đồng tác giả) nộp sau thời hiệu quy định tại điểm a, khoản này.

3. Trường hợp giải pháp đưa ra dưới dạng tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm pháp luật dự kiến các đối tượng áp dụng bắt buộc phải thực hiện thì tác giả (đồng tác giả) phải nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến trước khi được cấp có thẩm quyền quyết định ban hành để đảm bảo tính mới.

4. Việc thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến là do tác giả (đồng tác giả) tự nguyện thực hiện, không bắt buộc phải đăng ký sáng kiến ngay từ đầu năm dương lịch hoặc đầu năm học đối với các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Điều 8. Cơ sở có thẩm quyền và trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Cơ sở có thẩm quyền và trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu công nhận sáng kiến là một trong các cơ sở sau đây:

a) Cơ sở là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến: Là cơ quan, tổ chức đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật dưới hình thức giao việc, thuê việc hoặc các hình thức khác cho tác giả để tạo ra sáng kiến;

b) Cơ sở được tác giả sáng kiến chuyên giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, với điều kiện chủ đầu tư tạo ra sáng kiến từ chối công nhận sáng kiến và không có thỏa thuận khác với tác giả tạo ra sáng kiến;

c) Cơ sở được tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, trong trường hợp tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

2. Các cơ sở quy định tại Khoản 1 Điều này phải đáp ứng quy định tại Điều 2 của Thông tư số 18/2013/TT-BKH-CN.

Điều 9. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến áp dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKH-CN.

2. Mỗi đơn yêu cầu công nhận sáng kiến chỉ áp dụng cho một giải pháp. Trường hợp tác giả có nhiều giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến thì không được gộp chung nhiều giải pháp đó vào trong một đơn mà phải trình bày riêng trong từng đơn yêu cầu công nhận sáng kiến.

3. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến phải được tác giả ký và ghi rõ họ tên vào mục người nộp đơn ở trang cuối cùng của đơn; trường hợp sáng kiến có đồng tác giả thì người nộp đơn phải là một trong các đồng tác giả và phải được các đồng tác giả còn lại đồng ý nộp đơn và cùng ký xác nhận vào đơn.

4. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến bao gồm các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 5 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Trước khi cơ sở có thẩm quyền công nhận sáng kiến ra thông báo từ chối nhận đơn; Thông báo công khai kết quả công nhận sáng kiến; Quyết định công nhận sáng kiến và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến, tác giả có thể chủ động hoặc theo yêu cầu của cơ sở đó đề nghị sửa đổi, bổ sung đơn.

2. Việc sửa đổi, bổ sung không được làm thay đổi bản chất của giải pháp nêu trong đơn yêu cầu công nhận sáng kiến ban đầu. Nếu việc sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu công nhận sáng kiến làm thay đổi bản chất sáng kiến thì tác giả phải nộp đơn mới và mọi thủ tục được tiến hành lại từ đầu.

3. Việc sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu công nhận sáng kiến do tác giả chủ động thực hiện hoặc theo yêu cầu của cơ sở có thẩm quyền tiếp nhận đơn và phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung.

Điều 11. Tiếp nhận và xem xét tính hợp lệ của đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Cơ sở quy định tại Điều 8 Quy định này khi nhận được yêu cầu công nhận sáng kiến phải có trách nhiệm tiếp nhận và xem xét đơn yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và khoản 1 Điều 6 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

2. Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, cơ sở có trách nhiệm xem xét đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 5 và thực hiện các thủ tục sau đây:

a) Thông báo cho tác giả sáng kiến về thiếu sót của đơn và ấn định thời hạn 01 tháng để tác giả sửa chữa bổ sung, gửi lại;

b) Thông báo cho tác giả sáng kiến về việc chấp nhận đơn, ghi nhận các thông tin liên quan của đơn và lưu giữ hồ sơ đơn phù hợp với quy định;

3. Trường hợp từ chối đơn yêu cầu công nhận sáng kiến phải được thông báo bằng văn bản cho tác giả được biết rõ lý do nếu từ chối chấp nhận đơn.

Điều 12. Đánh giá đối tượng nêu trong đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Cơ sở tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến phải có trách nhiệm đánh giá đối tượng nêu trong đơn theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP; Điều 4 Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN và Điều 2, Điều 4 Quy định này.

2. Để đánh giá tính mới của giải pháp nêu trong đơn, trước hết phải tiến hành tra cứu ở các nguồn thông tin sau đây:

a) Tất cả các hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến đã được cơ sở tiếp nhận và có ngày nộp đơn trước đó;

b) Các văn bản, sách, tác phẩm báo chí, tài liệu kỹ thuật, tài liệu phục vụ cho hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, các báo cáo khoa học, báo cáo kết quả của các chương trình, đề tài nghiên cứu và các tài liệu khác thuộc cùng lĩnh vực áp dụng sáng kiến đã được công bố trước thời điểm tác giả nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến dưới bất kỳ hình thức nào có thể tiếp cận công khai trong phạm vi cơ sở.

3. Mục đích của việc tra cứu thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều này là tìm giải pháp có bản chất tương tự hoặc trùng lặp với giải pháp nêu trong đơn, trong đó:

a) Hai giải pháp được coi là trùng nhau khi có tất cả các dấu hiệu hoặc đặc điểm cơ bản trùng nhau hoặc tương đương, có thể thay thế được cho nhau;

b) Hai giải pháp được coi là tương tự nhau khi có phần lớn các dấu hiệu hoặc đặc điểm cơ bản trùng nhau hoặc tương đương, có thể thay thế được cho nhau.

4. Khi tiến hành tra cứu theo quy định tại Khoản 2 Điều này phải tiến hành so sánh các dấu hiệu hoặc đặc điểm cơ bản của giải pháp nêu trong đơn với các dấu hiệu của giải pháp đối chứng được tìm thấy trong quá trình tra cứu thông tin, trong đó:

a) Dấu hiệu cơ bản của giải pháp có thể là đặc điểm về chức năng, công dụng, cấu tạo, liên kết, thành phần cùng với các dấu hiệu cơ bản khác tạo thành một tập hợp cần và đủ để xác định bản chất, nội dung của đối tượng;

b) Các dấu hiệu cơ bản của giải pháp nêu trong các tài liệu khác được thể hiện và phát hiện theo tài liệu mô tả hoặc dạng thể hiện thực tế của giải pháp đó.

5. Kết luận về tính mới của giải pháp nêu trong đơn

a) Giải pháp nêu trong đơn được coi là có tính mới nếu không tìm thấy giải pháp đối chứng trong quá trình tra cứu thông tin hoặc có tìm thấy giải pháp đối chứng nhưng giải pháp nêu trong đơn có ít nhất một dấu hiệu cơ bản không có mặt trong giải pháp đối chứng và dấu hiệu đó được gọi là dấu hiệu cơ bản khác biệt;

b) Giải pháp nêu trong đơn được coi là không có tính mới nếu tìm thấy giải pháp có bản chất tương tự hoặc trùng lặp với giải pháp đó theo quy định tại Khoản

3 Điều này và phải thống kê được các giải pháp đối chứng tìm thấy, chỉ rõ các dấu hiệu trùng nhau, tên tài liệu đối chứng, số trang, số dòng, nguồn gốc tài liệu và ngày công bố của tài liệu tương ứng.

6. Trường hợp cần thiết phải tra cứu thông tin về tình trạng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật để đánh giá sáng kiến theo điều kiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP, cơ sở có thể tra cứu từ cơ sở dữ liệu về sở hữu công nghiệp tại Cục Sở hữu trí tuệ và các nguồn thông tin khác do Cục Sở hữu trí tuệ quy định, có thể tham khảo trên Trang thông tin điện tử của Cục Sở hữu trí tuệ tại địa chỉ: <http://www.noip.gov.vn> hoặc thông qua đơn vị có chức năng tư vấn về sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật để hỗ trợ tra cứu về thông tin này.

Điều 13. Đánh giá về hiệu quả áp dụng sáng kiến

Đánh giá hiệu quả áp dụng sáng kiến theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP:

1. Trường hợp giải pháp nêu trong đơn chỉ là ý tưởng mang tính đề xuất, chưa được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở thì chưa thể xem xét công nhận là sáng kiến.

2. Trường hợp giải pháp nêu trong đơn đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở thì đánh giá khả năng mang lại lợi ích thiết thực theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP; khoản 2 Điều 4 của Quy định này, bằng cách so sánh hiệu quả khi áp dụng sáng kiến so với trường hợp không áp dụng giải pháp đó, hoặc so với những giải pháp tương tự đã biết.

3. Trường hợp sáng kiến là giải pháp nhằm cải tiến giải pháp đã biết trước đó thì cần phải đánh giá rõ hiệu quả áp dụng sáng kiến khắc phục được đến mức độ nào những nhược điểm của giải pháp đã biết.

4. Trường hợp áp dụng sáng kiến mang lại hiệu quả về mặt kinh tế thì việc xác định tiền làm lợi từ áp dụng sáng kiến thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

Mục 2. TỔ CHỨC XÉT CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 14. Thời hạn xét công nhận sáng kiến

1. Việc xét công nhận sáng kiến chỉ được thực hiện sau khi tác giả đã nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến và giải pháp nêu trong đơn đã được hoặc đang được áp dụng; trường hợp có tranh chấp về quyền tác giả hoặc có tố cáo, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến giải pháp nêu trong đơn thì phải giải quyết xong mới tổ chức xét công nhận sáng kiến và phải thông báo cho tác giả được biết về việc này.

2. Thời hạn xét công nhận sáng kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và thực hiện theo quy định này cụ thể như sau:

a) Trường hợp khi nộp đơn mà trước đó tác giả đã hoàn thành việc áp dụng sáng kiến lần đầu thì việc xét công nhận sáng kiến được thực hiện trong khoảng thời gian từ ngày kế tiếp của ngày chấp nhận đơn đến ngày tương ứng của 3 tháng sau;

b) Trường hợp tại thời điểm đơn yêu cầu công nhận sáng kiến đã nộp nhưng giải pháp nêu trong đơn chưa được áp dụng hoặc áp dụng thử thì việc xét công nhận sáng kiến chỉ được thực hiện khi giải pháp đó đã được đưa vào áp dụng hoặc áp dụng thử và thời hạn xét công nhận sáng kiến được thực hiện trong khoảng thời gian từ ngày kế tiếp của ngày hoàn thành việc áp dụng sáng kiến lần đầu đến ngày tương ứng của 3 tháng sau;

c) Nếu tháng kết thúc thời hạn quy định tại Điểm a và b khoản này không có ngày tương ứng thì thời hạn kết thúc vào ngày cuối cùng của tháng đó;

d) Khi ngày cuối cùng của thời hạn quy định tại điểm a và b khoản này là ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ thì thời hạn kết thúc tại thời điểm kết thúc ngày làm việc tiếp theo ngày nghỉ đó.

Điều 15. Thành lập Hội đồng sáng kiến

1. Hội đồng sáng kiến được thành lập theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và khoản 1 Điều 8 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN và thực hiện theo quy định này cụ thể như sau:

a) Tác giả (đồng tác giả) của giải pháp yêu cầu công nhận sáng kiến không được là thành viên của Hội đồng sáng kiến; trong trường hợp buộc phải tham gia Hội đồng thì không tham gia đánh giá sáng kiến do mình làm tác giả hoặc đồng tác giả.

b) Tùy từng lĩnh vực áp dụng của sáng kiến được xét duyệt, cơ sở có thẩm quyền xét công nhận sáng kiến có thể mời chuyên gia, nhà khoa học có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu về lĩnh vực sáng kiến, đề nghị là thành viên chính thức của Hội đồng.

2. Chuyên gia được mời tham gia Hội đồng sáng kiến phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Không phải là người có mối quan hệ như: Bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột, bên vợ, bên chồng của tác giả (đồng tác giả);

b) Không phải là người đã từng có khiếu nại, tố cáo đối với tác giả (đồng tác giả);

c) Là người có chuyên môn cao phù hợp với lĩnh vực áp dụng sáng kiến, trong đó ưu tiên người có trình độ từ bậc đại học trở lên và không thấp hơn so với trình độ chuyên môn của tác giả (đồng tác giả);

d) Việc áp dụng giải pháp nêu trong đơn không xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của chuyên gia đó;

đ) Là người có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín và kinh nghiệm trong lĩnh vực áp dụng sáng kiến.

3. Thành phần của Hội đồng sáng kiến

a) Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến; trường hợp người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến chính là tác giả (đồng tác giả) sáng kiến, thì Chủ tịch Hội đồng là cấp phó của người đứng đầu cơ sở được giao phụ trách hoạt động sáng kiến ở cơ sở hoặc có trình độ chuyên môn liên quan đến lĩnh vực áp dụng sáng kiến;

b) 01 Phó Chủ tịch Hội đồng là cấp phó của người đứng đầu cơ sở được giao phụ trách hoạt động sáng kiến ở cơ sở hoặc có trình độ chuyên môn liên quan đến lĩnh vực áp dụng sáng kiến và do người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến quyết định;

c) Các Ủy viên còn lại gồm các chuyên gia hoặc người có trình độ chuyên môn có liên quan đến nội dung sáng kiến, đại diện của tổ chức công đoàn (nếu có) và các thành phần khác theo quyết định của người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến;

d) Thư ký là người được giao phụ trách hoạt động sáng kiến ở cơ sở.

4. Số lượng các thành viên Hội đồng có từ 7 đến 9 thành viên do người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến quyết định.

5. Bộ phận được giao phụ trách hoạt động sáng kiến ở cơ sở có trách nhiệm tham mưu công tác tiếp nhận, xử lý các đơn yêu cầu công nhận sáng kiến để tham mưu cho Hội đồng sáng kiến và người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến.

6. Nhiệm vụ của Hội đồng sáng kiến.

a) Tổ chức đánh giá một cách khách quan, trung thực giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định;

b) Lập báo cáo đánh giá, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên và kết quả bỏ phiếu sau khi kết thúc mỗi phiên họp của Hội đồng;

c) Bảo mật thông tin về các giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến theo yêu cầu của tác giả hoặc người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến;

d) Xem xét đánh giá hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng của sáng kiến để tham mưu cho thủ trưởng cơ sở công nhận hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét công nhận để công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi và hỗ trợ tác giả thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan;

đ) Tham mưu giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo hoặc kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động sáng kiến ở cơ sở;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của người có thẩm quyền thành lập Hội đồng sáng kiến.

7. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng sáng kiến

a) Nghiên cứu hồ sơ các giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến trước khi diễn ra phiên họp của Hội đồng;

b) Tham dự đầy đủ phiên họp của Hội đồng; trường hợp vắng mặt phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng xem xét chấp thuận và phải gửi phiếu nhận xét, đánh giá các giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến trước khi diễn ra phiên họp để Hội đồng có cơ sở xem xét; khi cử người dự họp thay phải được Chủ tịch Hội đồng chấp thuận và người dự họp thay phải có trách nhiệm truyền đạt đầy đủ ý kiến nhận xét, đánh giá của thành viên vắng mặt nhưng không được quyền tham gia bỏ phiếu;

c) Tham gia ý kiến nhận xét, đánh giá các giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến theo chuyên môn, lĩnh vực công tác phụ trách tại các phiên họp Hội đồng và ghi rõ kết quả nhận xét, kết quả đánh giá đối với từng giải pháp trong Phiếu nhận xét, đánh giá; việc nhận xét, đánh giá các giải pháp phải khách quan, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá;

d) Không được cung cấp thông tin về kết quả xét công nhận sáng kiến trước khi Hội đồng ban hành biên bản kỳ họp; không được lưu giữ, khai thác, công bố và sử dụng nội dung sáng kiến trái với quy định của pháp luật;

đ) Thư ký (kiêm ủy viên Hội đồng) có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ sáng kiến và các tài liệu có liên quan để gửi tới các thành viên Hội đồng nghiên cứu trước khi tổ chức họp Hội đồng; ghi chép diễn biến cuộc họp trong đó thể hiện đầy đủ ý kiến của các thành viên dự họp và tổng hợp kết quả bỏ phiếu xét công nhận sáng kiến để dự thảo biên bản cuộc họp trình Hội đồng thông qua tại mỗi phiên họp; tham mưu cho Hội đồng lập báo cáo theo quy định tại điểm b, khoản 6 Điều này;

e) Chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến, kiến nghị và đề xuất của mình; đồng thời chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của Hội đồng, trừ trường hợp đã đề nghị bảo lưu ý kiến khác với kết luận của Hội đồng;

g) Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng phân công.

8. Thẩm quyền Chủ tịch Hội đồng sáng kiến

a) Tổ chức và chỉ đạo mọi hoạt động của Hội đồng;

b) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Hội đồng;

c) Quyết định triệu tập các cuộc họp của Hội đồng;

d) Chủ trì, kết luận các phiên họp Hội đồng;

đ) Tạm dừng phiên họp Hội đồng khi chưa có đủ cơ sở công nhận hay từ chối công nhận sáng kiến hoặc có trên 1/3 số thành viên Hội đồng vắng mặt tại phiên họp;

e) Thay mặt Hội đồng ký ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền.

9. Thẩm quyền của Phó Chủ tịch Hội đồng sáng kiến

a) Tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo chuẩn bị nội dung cho các phiên họp Hội đồng;

b) Tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng tổ chức, điều hành các phiên họp và xem xét các báo cáo, tài liệu đưa ra thảo luận tại mỗi phiên họp của Hội đồng;

c) Thực hiện thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng khi được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền chủ trì phiên họp của Hội đồng hoặc được người có thẩm quyền thành lập Hội đồng sáng kiến giao nhiệm vụ này.

10. Chế độ làm việc của Hội đồng sáng kiến

a) Phiên họp của Hội đồng chỉ được coi là hợp lệ khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch Hội đồng; trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch chủ trì phiên họp;

b) Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ;

c) Giải pháp khi còn có ý kiến khác nhau đưa ra xem xét tại phiên họp của Hội đồng được công nhận là sáng kiến khi có ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng đồng ý thông qua.

d) Bản sao nội dung các sáng kiến và các tài liệu liên quan phải được gửi cho các thành viên Hội đồng tối thiểu 05 ngày làm việc trước thời gian họp Hội đồng.

11. Trình tự làm việc của Hội đồng sáng kiến

a) Thư ký công bố quyết định thành lập Hội đồng và báo cáo tính hợp lệ của Hội đồng theo quy định;

b) Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng khi được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền chủ trì phiên họp, yêu cầu Thư ký nêu tóm tắt các yêu cầu đối với Hội đồng và báo cáo kết quả tiếp nhận, xử lý đơn yêu cầu công nhận sáng kiến; báo cáo tóm tắt nội dung các giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến;

c) Các thành viên Hội đồng và các đại biểu dự họp (nếu có) xem xét nội dung các sáng kiến và xem xét báo cáo của Thư ký để thảo luận, đánh giá các giải pháp theo quy định;

d) Thư ký phát phiếu nhận xét, đánh giá giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến để các thành viên Hội đồng tiến hành bỏ phiếu kín; thời gian đánh giá do Hội đồng quyết định dựa trên số lượng giải pháp đề nghị;

đ) Các thành viên Hội đồng làm việc độc lập trong quá trình ghi phiếu nhận xét, đánh giá chấm điểm và chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng về kết quả đánh giá của mình;

e) Chủ tịch Hội đồng công bố kết quả đánh giá và kết luận cuộc họp.

12. Hội đồng sáng kiến được sử dụng con dấu của cơ sở để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Điều 16. Công nhận sáng kiến và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến

1. Kết quả xét công nhận sáng kiến được công bố rộng rãi trên trang thông tin điện tử của cơ sở sau thời hạn 15 ngày nếu không có ý kiến phản đối của cơ

quan, tổ chức, cá nhân nào khác về kết quả đó thì đối với những giải pháp đủ điều kiện công nhận là sáng kiến, Thủ trưởng cơ sở phải có trách nhiệm ban hành Quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN và quy định cụ thể sau đây:

a) Với mỗi Sáng kiến được công nhận, các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN được cấp 01 Quyết định công nhận sáng kiến kèm theo Giấy chứng nhận sáng kiến và không cấp lại;

b) Giấy chứng nhận Sáng kiến phải có đầy đủ các thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và được làm theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN.

2. Kết quả xét công nhận sáng kiến phải được cơ sở thông báo bằng văn bản cho tác giả (đồng tác giả) được biết; trường hợp từ chối công nhận sáng kiến thì phải nêu rõ lý do.

Điều 17. Hủy bỏ việc công nhận Sáng kiến

Theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ sở công nhận sáng kiến có quyền hủy bỏ việc công nhận sáng kiến theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN và hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Trước khi ra quyết định hủy bỏ kết quả công nhận Sáng kiến, Thủ trưởng cơ sở có thể thành lập và tổ chức họp Hội đồng sáng kiến để xem xét tham mưu giải quyết và mời các cá nhân, đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan và tác giả (đồng tác giả) dự họp để giải trình và thống nhất phương án xử lý;

2. Cuộc họp của Hội đồng sáng kiến phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ ý kiến của những người dự họp và kết luận của Hội đồng;

3. Khi quyết định hủy bỏ kết quả công nhận sáng kiến, Thủ trưởng cơ sở phải thu hồi và hủy bỏ Quyết định công nhận và Giấy chứng nhận Sáng kiến đã cấp cho tác giả (đồng tác giả); thu hồi lại các khoản thù lao đã trả cho tác giả (đồng tác giả) và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có); thu hồi hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ các chế độ, quyền lợi mà tác giả (đồng tác giả) được hưởng từ sáng kiến đó.

Điều 18. Xét công nhận Sáng kiến cho tác giả (đồng tác giả) là người đứng đầu cơ sở

Người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến chính là tác giả/đồng tác giả sáng kiến trước khi quyết định công nhận sáng kiến phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý sau đây:

1. Trường hợp sáng kiến được tạo ra không sử dụng kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật của Nhà nước thì phải được đánh giá thông qua Hội đồng Sáng kiến của cơ sở quy định tại Điều 8 Quy định này và trước khi quyết định công nhận Sáng kiến phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cơ sở đó hoặc Sở Khoa học và Công nghệ;

2. Trường hợp sáng kiến được tạo ra do nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật của Nhà nước thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

3. Hồ sơ đề nghị xét chấp thuận kết quả xét công nhận Sáng kiến cho các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này áp dụng theo quy định tại khoản 2, Điều 7 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

4. Thời hạn xem xét chấp thuận việc công nhận Sáng kiến cho các tác giả (đồng tác giả) quy định tại khoản 2 Điều này áp dụng theo quy định tại khoản 3, Điều 7 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

Chương III

XÉT CÔNG NHẬN HIỆU QUẢ ÁP DỤNG VÀ KHẢ NĂNG NHÂN RỘNG CỦA SÁNG KIẾN

Điều 19. Thẩm quyền xét công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng của sáng kiến

1. Trường hợp Sáng kiến đã được một cơ sở quy định tại Điều 8 Quy định này công nhận thì cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cơ sở đó có thẩm quyền tổ chức đánh giá, xem xét công nhận hiệu quả áp dụng, mức độ ảnh hưởng của sáng kiến trong phạm vi quản lý để thực hiện các quy định liên quan.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường có thẩm quyền tổ chức đánh giá, xem xét công nhận hiệu quả, khả năng nhân rộng của sáng kiến được áp dụng ở cơ quan, đơn vị, địa phương đang quản lý để thực hiện các quy định liên quan đến sáng kiến thuộc thẩm quyền.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh có thẩm quyền đánh giá, xem xét công nhận hiệu quả, khả năng nhân rộng của sáng kiến trên địa bàn tỉnh hoặc toàn quốc để thực hiện các quy định liên quan đến sáng kiến thuộc thẩm quyền.

4. Trường hợp sáng kiến đã được công nhận bởi các cơ quan, đơn vị ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh do bộ, ngành Trung ương quản lý về biên chế, tổ chức thì việc xét công nhận hiệu quả, khả năng nhân rộng của sáng kiến do cơ quan cấp trên của các cơ quan, đơn vị đó xem xét đánh giá.

Điều 20. Xét công nhận hiệu quả, khả năng nhân rộng của sáng kiến ở cấp xã, phường

1. Tác giả (đồng tác giả) có nhu cầu đề nghị xét công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng của sáng kiến trên địa bàn xã, phường để thực hiện các quy định liên quan đến sáng kiến thì phải được cơ sở quy định tại Điều 8 Quy định này chấp thuận và gửi hồ sơ về cơ quan thường trực Hội đồng công nhận hiệu quả, khả năng nhân rộng của sáng kiến ở cấp xã, phường. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình của Thủ trưởng cơ sở gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường;

- b) Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến đã nộp ở cơ sở;
- c) Quyết định công nhận sáng kiến và Giấy chứng nhận sáng kiến do Thủ trưởng cơ sở quy định tại Điều 8 Quy định này cấp;
- d) Biên bản họp Hội đồng Sáng kiến trong trường hợp Sáng kiến đã được đánh giá thông qua Hội đồng này;
- đ) Ý kiến đánh giá bằng văn bản của cơ quan chuyên môn hoặc chuyên gia trong lĩnh vực áp dụng Sáng kiến về hiệu quả và khả năng nhân rộng, khả năng áp dụng rộng rãi hiệu quả của giải pháp nêu trong đơn (nếu có);
- e) Các tài liệu chứng minh hiệu quả, khả năng nhân rộng, khả năng áp dụng rộng rãi của sáng kiến (nếu có).

2. Sáng kiến được xem xét công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng trên địa bàn cấp xã, phường khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- a) Đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN và theo hướng dẫn tại Điều 12 Quy định này.
- b) Đã được một cơ sở trên địa bàn cấp xã, phường quy định tại Điều 8 Quy định này công nhận và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến;
- c) Đã được phổ biến, áp dụng rộng rãi trên địa bàn cấp xã, phường hoặc có khả năng áp dụng rộng rãi cho nhiều cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác ngoài phạm vi cơ sở xét công nhận Sáng kiến;
- d) Hiệu quả áp dụng sáng kiến ở cơ sở là tiêu biểu, mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội, xứng đáng vinh danh, nêu gương tác giả (đồng tác giả) trên địa bàn cấp xã, phường.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường có thẩm quyền thành lập Hội đồng công nhận hiệu quả, khả năng nhân rộng của sáng kiến ở cấp xã, phường.

4. Thành phần Hội đồng công nhận hiệu quả, khả năng nhân rộng của sáng kiến ở cấp xã, phường gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường được giao phụ trách lĩnh vực khoa học và công nghệ; trường hợp những người này đều là đồng tác giả của sáng kiến thì Chủ tịch Hội đồng là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường phụ trách lĩnh vực liên quan đến lĩnh vực áp dụng sáng kiến;
- b) 01 Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng Phòng chuyên môn có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã, phường thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ;
- c) 01 Ủy viên là công chức chuyên môn có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã, phường thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; 01 ủy viên là Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, phường; các ủy viên còn lại là các chuyên gia, cán bộ, công chức, viên chức có trình độ

chuyên môn liên quan đến lĩnh vực áp dụng sáng kiến, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường quyết định;

d) Thư ký Hội đồng là cán bộ, công chức của cơ quan quy định tại khoản 8 Điều này được giao nhiệm vụ tham mưu về hoạt động sáng kiến;

đ) Số lượng các thành viên Hội đồng có từ 7 hoặc 9 thành viên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường quyết định.

5. Hội đồng công nhận hiệu quả, khả năng nhân rộng của sáng kiến ở cấp xã, phường được sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

6. Cơ quan thường trực Hội đồng công nhận hiệu quả, khả năng nhân rộng của sáng kiến ở cấp xã, phường là phòng chuyên môn có chức năng tham mưu về khoa học và công nghệ, có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận các hồ sơ Sáng kiến thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng;

b) Tham mưu thành lập Tổ chuyên môn hoặc mời chuyên gia trong lĩnh vực áp dụng sáng kiến tham gia Hội đồng;

c) Tham mưu tổ chức họp Hội đồng trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ họp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này;

d) Lập báo cáo kết quả tiếp nhận, xử lý các hồ sơ sáng kiến và tổng hợp các hồ sơ sáng kiến cùng các tài liệu có liên quan để gửi tới các thành viên Hội đồng nghiên cứu trước khi tổ chức họp Hội đồng;

đ) Tham mưu tổ chức các hoạt động thuộc chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng và thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và Chủ tịch Hội đồng;

e) Công bố công khai kết quả đánh giá của Hội đồng trên Trang Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường và trên các phương tiện truyền thông khác có liên quan để các tổ chức, cá nhân có liên quan thuận tiện khi có nhu cầu phản hồi (trừ các thông tin cần giữ bí mật theo yêu cầu của tác giả sáng kiến);

g) Được sử dụng con dấu của cơ quan để thực hiện nhiệm vụ được giao.

7. Nhiệm vụ của Hội đồng công nhận hiệu quả, khả năng nhân rộng của sáng kiến ở cấp xã, phường:

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường xem xét công nhận hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét công nhận những sáng kiến tiêu biểu, có mức độ ảnh hưởng, khả năng áp dụng rộng rãi theo quy định tại Khoản 3 Điều này để công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi và hỗ trợ tác giả sáng kiến thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Giúp Ủy ban nhân dân cấp xã, phường xét chấp thuận kết quả xét công nhận sáng kiến cho các tác giả (đồng tác giả) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 18 Quy định này;

c) Lập báo cáo đánh giá, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên và kết quả bỏ phiếu sau khi kết thúc mỗi phiên họp của Hội đồng để tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường xem xét quyết định;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường.

8. Thẩm quyền và trách nhiệm của các thành viên Hội đồng cấp xã, phường thực hiện theo quy định tại khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 15 Quy định này. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên này do Chủ tịch Hội đồng phân công.

9. Chế độ làm việc và trình tự làm việc của Hội đồng tại mỗi phiên họp áp dụng theo quy định tại khoản 10, khoản 11 Điều 15 Quy định này.

10. Thực hiện công khai, niêm yết kết quả của Hội đồng trên trang thông tin điện tử xã, phường trong 05 ngày làm việc; tổng hợp kết quả đánh giá của Hội đồng này để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường xem xét quyết định. Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường gồm:

a) Tờ trình của cơ quan Thường trực Hội đồng;

b) Biên bản họp Hội đồng;

c) Dự thảo Quyết định và Giấy chứng nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường đối với các sáng kiến được Hội đồng thông qua;

d) Các tài liệu chứng minh hiệu quả, khả năng nhân rộng, khả năng áp dụng rộng rãi của sáng kiến (nếu có).

11. Khi nhận được hồ sơ quy định tại khoản 10 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường có trách nhiệm xem xét quyết định công nhận hiệu quả, khả năng nhân rộng của sáng kiến. Giấy chứng nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng của sáng kiến.

12. Kết quả xét công nhận hiệu quả, khả năng nhân rộng của sáng kiến phải được Ủy ban nhân dân cấp xã, phường thông báo bằng văn bản cho cơ sở và tác giả (đồng tác giả) được biết; trường hợp từ chối công nhận thì phải nêu rõ lý do.

Điều 21. Xét công nhận hiệu quả, khả năng nhân rộng của sáng kiến ở các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp

Trường hợp các cơ sở trực thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh đáp ứng quy định tại Điều 8 Quy định này đã tổ chức xét công nhận sáng kiến thì có thẩm quyền xét công nhận hiệu quả, khả năng nhân rộng của sáng kiến lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý và được thực hiện như sau:

1. Tác giả (đồng tác giả) có nhu cầu đề nghị xét công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng của sáng kiến ở các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp để thực hiện các quy định liên quan đến sáng kiến thì phải được cơ sở quy định tại Điều 8 Quy định này chấp thuận và gửi hồ sơ về cơ quan, đơn vị quản lý cấp trên. Hồ sơ gồm:

- a) Tờ trình của Lãnh đạo cơ sở gửi Lãnh đạo cơ quan, đơn vị quản lý cấp trên;
- b) Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến đã nộp ở cơ sở;
- c) Quyết định công nhận sáng kiến và Giấy chứng nhận sáng kiến do Thủ trưởng cơ sở quy định tại Điều 8 Quy định này cấp;
- d) Biên bản họp Hội đồng Sáng kiến trong trường hợp Sáng kiến đã được đánh giá thông qua Hội đồng này;
- đ) Ý kiến đánh giá bằng văn bản của cơ quan chuyên môn hoặc chuyên gia trong lĩnh vực áp dụng Sáng kiến về hiệu quả và khả năng nhân rộng, khả năng áp dụng rộng rãi hiệu quả của giải pháp nêu trong đơn (nếu có);
- e) Các tài liệu chứng minh hiệu quả, khả năng nhân rộng, khả năng áp dụng rộng rãi của sáng kiến (nếu có).

2. Sáng kiến được xem xét công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng ở các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- a) Đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN và theo hướng dẫn tại Điều 12 Quy định này;
- b) Đã được phổ biến, áp dụng rộng rãi trên địa bàn cấp xã, phường, ngành lĩnh vực hoặc có khả năng áp dụng rộng rãi cho nhiều cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác ngoài phạm vi cơ sở xét công nhận sáng kiến;
- c) Hiệu quả áp dụng sáng kiến ở cơ sở là tiêu biểu, mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội, xứng đáng vinh danh, nêu gương tác giả (đồng tác giả) ở các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp có thẩm quyền thành lập Hội đồng công nhận hiệu quả, khả năng nhân rộng của sáng kiến.

4. Thành phần Hội đồng công nhận hiệu quả, khả năng nhân rộng của sáng kiến ở các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp;
- b) 01 Phó Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Công đoàn cơ sở (đối với Doanh nghiệp); 01 Phó Chủ tịch Hội đồng là cấp phó sở, ban, ngành, đoàn thể hoặc Trưởng phòng chuyên môn được giao phụ trách hoạt động sáng kiến (đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể);
- c) Các uỷ viên còn lại là các chuyên gia, cán bộ, công chức, viên chức có trình độ chuyên môn liên quan đến lĩnh vực áp dụng sáng kiến;
- d) Thư ký Hội đồng là cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị quy định tại Khoản 8 Điều này được giao nhiệm vụ tham mưu về hoạt động sáng kiến;
- đ) Số lượng các thành viên Hội đồng có từ 7 hoặc 9 thành viên.

5. Hội đồng công nhận hiệu quả, khả năng nhân rộng của sáng kiến ở các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp được sử dụng con dấu của sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

6. Nhiệm vụ của Hội đồng công nhận hiệu quả, khả năng nhân rộng của sáng kiến ở sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp:

a) Tham mưu cho Lãnh đạo xem xét công nhận hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét công nhận những sáng kiến tiêu biểu, có mức độ ảnh hưởng, khả năng nhân rộng để công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi và hỗ trợ tác giả sáng kiến thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Lập báo cáo đánh giá, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên và kết quả bỏ phiếu sau khi kết thúc mỗi phiên họp của Hội đồng để tham mưu cho Lãnh đạo sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp xem xét quyết định;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu Lãnh đạo sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp.

7. Thẩm quyền và trách nhiệm của các thành viên Hội đồng thực hiện theo quy định tại khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 15 Quy định này. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên này do Chủ tịch Hội đồng phân công.

8. Chế độ làm việc và trình tự làm việc của Hội đồng tại mỗi phiên họp áp dụng theo quy định tại khoản 10, khoản 11 Điều 15 Quy định này.

9. Thực hiện công bố, công khai kết quả đánh giá của Hội đồng trong 05 ngày làm việc; nếu không có tổ chức, cá nhân nào phản đối kết quả đánh giá của Hội đồng thì bộ phận tham mưu có trách nhiệm tổng hợp kết quả đánh giá của Hội đồng này để trình Lãnh đạo sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp xem xét quyết định. Hồ sơ trình Lãnh đạo sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp gồm:

a) Báo cáo đánh giá của Hội đồng; trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên và kết quả bỏ phiếu;

b) Biên bản họp Hội đồng;

c) Dự thảo Quyết định và Giấy chứng nhận;

d) Các tài liệu chứng minh hiệu quả, khả năng nhân rộng, khả năng áp dụng rộng rãi của sáng kiến (nếu có).

10. Khi nhận được hồ sơ quy định tại khoản 9 Điều này, Lãnh đạo sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp có trách nhiệm xem xét quyết định công nhận hiệu quả, khả năng nhân rộng của sáng kiến. Giấy chứng nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng của sáng kiến.

11. Kết quả xét công nhận hiệu quả, khả năng nhân rộng của sáng kiến phải được Lãnh đạo sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp thông báo bằng văn bản cho cơ sở và tác giả (đồng tác giả) được biết; trường hợp từ chối công nhận thì phải nêu rõ lý do.

Điều 22. Xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến trên địa bàn Tỉnh và toàn quốc

1. Sáng kiến được xem xét công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng trên địa bàn tỉnh khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCHN theo hướng dẫn tại Điều 12 của Quy định này;

b) Đã được một cơ sở trên địa bàn tỉnh quy định tại Điều 8 Quy định này công nhận và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến;

c) Trường hợp cơ sở nêu tại điểm b khoản này là cơ quan, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, phường thì phải được thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường công nhận hiệu quả, khả năng nhân rộng sáng kiến đó theo quy định tại Điều 20, 21 Quy định này;

d) Đã được phổ biến, áp dụng rộng rãi trên địa bàn tỉnh hoặc có khả năng áp dụng rộng rãi cho nhiều cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác trên địa bàn tỉnh;

đ) Hiệu quả áp dụng sáng kiến ở cơ sở là tiêu biểu, mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội, xứng đáng vinh danh, nêu gương tác giả (đồng tác giả) trên địa bàn tỉnh.

2. Trường hợp tác giả (đồng tác giả) đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng của sáng kiến trên phạm vi toàn quốc thì ngoài việc đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, tác giả (đồng tác giả) phải chứng minh được sáng kiến đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Đã được phổ biến, áp dụng rộng rãi trên phạm vi toàn quốc;

b) Đã được chuyển giao áp dụng hiệu quả tại ít nhất 02 địa phương khác nhau phạm vi ngoài tỉnh và được Ủy ban nhân dân tỉnh đó công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng phạm vi cấp tỉnh;

c) Có khả năng áp dụng rộng rãi cho nhiều cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác trên phạm vi toàn quốc.

3. Tác giả (đồng tác giả) có nhu cầu đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng của sáng kiến theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được cấp có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 1 Điều này chấp thuận và gửi hồ sơ về cơ quan thường trực Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình của cấp có thẩm quyền;

b) Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến đã nộp ở cơ sở;

c) Quyết định công nhận sáng kiến và Giấy chứng nhận Sáng kiến do Thủ trưởng cơ sở quy định tại Điều 8 Quy định này cấp;

d) Quyết định công nhận hiệu quả, khả năng nhân rộng sáng kiến của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

đ) Biên bản họp Hội đồng xét công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng của sáng kiến của cấp có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

e) Ý kiến đánh giá bằng văn bản của cơ quan chuyên môn hoặc chuyên gia trong lĩnh vực áp dụng sáng kiến về hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng, khả năng áp dụng rộng rãi của giải pháp nêu trong đơn (nếu có);

g) Các tài liệu chứng minh hiệu quả, khả năng nhân rộng, khả năng áp dụng rộng rãi của sáng kiến (nếu có).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh có thẩm quyền thành lập Hội đồng xét công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng của sáng kiến cấp tỉnh để thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều 19 Quy định này.

5. Tổ chức của Hội đồng xét công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng của sáng kiến cấp tỉnh (viết tắt là Hội đồng Sáng kiến cấp Tỉnh) gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh được giao phụ trách lĩnh vực Khoa học và Công nghệ; trường hợp những người này đều là đồng tác giả của sáng kiến thì Chủ tịch Hội đồng là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh phụ trách lĩnh vực liên quan đến lĩnh vực áp dụng sáng kiến; Chủ tịch Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh có thể uỷ quyền cho Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng chủ trì, điều hành các phiên họp của Hội đồng;

b) 01 Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng là Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ;

c) 01 Phó Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Sở Nội vụ;

d) Các Ủy viên gồm: Lãnh đạo Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh; Lãnh đạo phòng chuyên môn của Sở Khoa học và Công nghệ có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về hoạt động sáng kiến;

đ) Thành viên chuyên ngành: Tùy từng lĩnh vực áp dụng của sáng kiến được xét duyệt, cơ quan Thường trực của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh quyết định mời các chuyên gia, nhà khoa học và các thành phần khác có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu về lĩnh vực sáng kiến, đề nghị là thành viên chính thức của Hội đồng;

e) Thư ký Hội đồng do chuyên viên bộ phận chuyên môn của Sở Khoa học và Công nghệ có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về hoạt động sở hữu trí tuệ, sáng kiến.

g) Việc mời chuyên gia trong lĩnh vực áp dụng sáng kiến tham gia làm thành viên Hội đồng áp dụng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 15 của Quy định này;

6. Số lượng các thành viên Hội đồng có từ 09 hoặc 11 thành viên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định.

7. Cơ quan thường trực Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh là Sở Khoa học và Công nghệ, có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận các hồ sơ sáng kiến thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh để tổng hợp, phân loại, xem xét, đánh giá sơ bộ;

b) Mời một số thành viên chuyên ngành có trình độ chuyên môn phù hợp tham gia Hội đồng Sáng kiến;

c) Tham mưu tổ chức họp Hội đồng xét công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng của sáng kiến cấp tỉnh theo quy định tại khoản 3, Điều này;

d) Lập báo cáo kết quả tiếp nhận, xử lý và tổng hợp các hồ sơ sáng kiến cùng các tài liệu có liên quan để gửi tới các thành viên Hội đồng nghiên cứu trước khi tổ chức họp Hội đồng;

đ) Tham mưu tổ chức các hoạt động thuộc chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh và thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh và Chủ tịch Hội đồng xét công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng của sáng kiến cấp tỉnh;

e) Được sử dụng con dấu của cơ quan để thực hiện nhiệm vụ được giao.

8. Nhiệm vụ của Hội đồng

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét công nhận hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét công nhận những sáng kiến tiêu biểu, có mức độ ảnh hưởng, khả năng áp dụng rộng rãi theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này để công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi và hỗ trợ tác giả sáng kiến thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Tổng hợp kết quả đánh giá, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên và kết quả bỏ phiếu sau khi kết thúc mỗi phiên họp của Hội đồng để tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét quyết định;

c) Bảo mật thông tin về các sáng kiến theo yêu cầu của tác giả hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh;

d) Thực hiện quy trình làm việc theo quy định tại khoản 11 Điều này và các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh.

9. Thẩm quyền và trách nhiệm của các thành viên Hội đồng Sáng kiến cấp Tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 7, khoản 8 và khoản 9 Điều 15 Quy định này. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên này do Chủ tịch Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh phân công.

10. Chế độ làm việc và trình tự làm việc của Hội đồng tại mỗi phiên họp áp dụng theo quy định tại khoản 10 và khoản 11 Điều 15 Quy định này.

11. Tham mưu giúp Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh xây dựng và ban hành quy trình và phương pháp đánh giá hiệu quả, khả năng nhân rộng của sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

12. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm công bố công khai những thông tin sau đây trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan mình hoặc của Ủy ban nhân dân Tỉnh và trên các phương tiện truyền thông khác có liên quan để các tổ chức, cá nhân có liên quan thuận tiện khi có nhu cầu phản hồi. Thông tin công khai gồm:

- a) Kết quả đánh giá của Hội đồng;
- b) Nội dung các sáng kiến đã được Hội đồng công nhận (trừ các thông tin cần giữ bí mật theo yêu cầu của tác giả sáng kiến);
- c) Thông tin liên hệ của cơ quan Thường trực Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh.

13. Sau khi kết thúc 10 ngày kể từ ngày công bố công khai thông tin theo quy định tại Khoản 12 Điều này, nếu không có tổ chức, cá nhân nào phản đối kết quả đánh giá của Hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp kết quả đánh giá của Hội đồng này để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, quyết định. Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh gồm:

- a) Tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ;
- b) Biên bản họp Hội đồng, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên và kết quả bỏ phiếu đánh giá; trường hợp cơ quan thường trực Hội đồng có quan điểm khác với kết quả đánh giá của Hội đồng thì phải gửi kèm theo báo cáo phân tích làm rõ những nội dung có liên quan để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét;
- c) Dự thảo Quyết định và Giấy chứng nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh về hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến trên địa bàn Tỉnh đối với các sáng kiến được Hội đồng thông qua;
- d) Các tài liệu chứng minh hiệu quả, khả năng nhân rộng, khả năng áp dụng rộng rãi của sáng kiến (nếu có).

14. Khi nhận được hồ sơ quy định tại khoản 13 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh có trách nhiệm xem xét quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận cho các tác giả (đồng tác giả) của sáng kiến đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định.

15. Kết quả xét công nhận hiệu quả, khả năng nhân rộng của sáng kiến trên địa bàn Tỉnh phải được Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản điện tử đã được ký số cho cơ sở và tác giả (đồng tác giả) được biết; trường hợp từ chối công nhận thì phải nêu rõ lý do.

Điều 23. Hủy bỏ kết quả công nhận hiệu quả, khả năng nhân rộng của sáng kiến

1. Cấp có thẩm quyền công nhận hiệu quả, khả năng nhân rộng của Sáng kiến có thể xem xét hủy bỏ kết quả này khi cơ sở công nhận Sáng kiến đã hủy bỏ việc công nhận Sáng kiến theo quy định tại Điều 17 Quy định này.

2. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ kết quả công nhận hiệu quả, khả năng nhân rộng của sáng kiến gồm có:

- a) Tờ trình của cơ sở đã hủy bỏ việc công nhận sáng kiến;

- b) Báo cáo tóm tắt lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ kết quả này;
- c) Các tài liệu chứng minh cho việc hủy bỏ công nhận sáng kiến (nếu có).

3. Việc xem xét hủy bỏ kết quả công nhận hiệu quả, khả năng nhân rộng của sáng kiến có thể áp dụng theo quy định tại Điều 17 Quy định này và các quy định hiện hành.

Chương IV

CÁC BIỆN PHÁP THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN

Điều 24. Áp dụng, chuyển giao sáng kiến; thỏa thuận về việc trả thù lao cho tác giả sáng kiến, người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo.

Được thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN.

Điều 25. Phổ biến sáng kiến

1. Các cơ sở có sáng kiến được công nhận có trách nhiệm định kỳ 06 tháng một lần báo cáo tình hình công nhận sáng kiến cho cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã, phường nơi cơ sở có trụ sở để theo dõi và hỗ trợ phổ biến sáng kiến.

2. Các Sở, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm phổ biến sáng kiến thuộc lĩnh vực và địa bàn do mình quản lý bằng các biện pháp sau:

a) Khuyến khích các cơ sở có sáng kiến được công nhận, tác giả sáng kiến tự đầu tư kinh phí tạo ra sáng kiến phổ biến, chuyển giao sáng kiến cho các cơ sở khác trên địa bàn;

b) Công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi các sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật.

Điều 26. Khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo

1. Tổ chức tổng kết, khen thưởng hoạt động sáng kiến:

a) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp Sở Nội vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Tỉnh tổ chức tổng kết, khen thưởng hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

b) Các Sở, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp, địa phương tổ chức tổng kết hoạt động sáng kiến trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Sở Khoa học và Công nghệ, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Tỉnh, Tỉnh đoàn và các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức thực hiện các biện pháp nhằm khuyến khích quần chúng tham gia các phong trào thi đua sáng tạo, như:

a) Tổ chức các hội thi sáng tạo, triển lãm kết quả lao động sáng tạo, tổ chức các diễn đàn cho hoạt động sáng kiến như trang tin điện tử, câu lạc bộ sáng tạo;

b) Phổ biến, tuyên truyền về các tổ chức, cá nhân điển hình trong phong trào thi đua sáng tạo.

3. Các cơ sở công nhận sáng kiến, các Sở, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân xã, phường có thể áp dụng các biện pháp nhằm khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tạo ra và áp dụng sáng kiến, như:

a) Ưu tiên xem xét nâng lương, nâng bậc thợ, đào tạo nâng cao trình độ và các chế độ phúc lợi khác cho tác giả, nhóm tác giả sáng kiến;

b) Ưu tiên xem xét, cấp kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Nội dung, mức chi và nguồn kinh phí thực hiện các hoạt động sáng kiến và biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến.

1. Nội dung, mức chi thực hiện các hoạt động sáng kiến và biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến dự toán hằng năm.

Điều 28. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm

a) Triển khai tổ chức, ban hành hướng dẫn thực hiện các hoạt động xét công nhận sáng kiến;

b) Chủ trì phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện việc xét các yêu cầu công nhận khả năng nhân rộng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến phạm vi toàn Tỉnh.

c) Tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm phổ biến sáng kiến, khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo tại địa phương theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Điều lệ Sáng kiến.

d) Xem xét, quyết định chấp thuận sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất, kỹ thuật mà tác giả là người đứng đầu cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 7 của Điều lệ Sáng kiến;

đ) Tư vấn, hỗ trợ cung cấp thông tin cho các tác giả sáng kiến trong việc tạo ra, hoàn thiện sáng kiến và khai thác sáng kiến trên cơ sở đề nghị của tác giả sáng kiến; hướng dẫn tác giả tiến hành thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với các giải pháp có khả năng được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp;

e) Định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ (qua Cục Sở hữu trí tuệ) và Ủy ban nhân dân Tỉnh về tình hình công nhận, phổ biến và áp dụng sáng kiến tại địa phương theo quy định.

2. Sở Nội vụ

a) Chủ trì hướng dẫn thực hiện chi tiết việc khen thưởng, xét tặng danh hiệu thi đua trên cơ sở các sáng kiến đã được công nhận khả năng nhân rộng, hiệu quả áp dụng.

b) Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn việc xét, công nhận khả năng nhân rộng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến để làm cơ sở xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng hiện hành.

3. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Tỉnh, Tỉnh đoàn

a) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về sáng kiến gắn với phong trào lao động sáng tạo tại địa phương;

b) Tổ chức các hội thi, cuộc thi, triển lãm kết quả lao động sáng tạo để tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình và biểu dương các sáng kiến có thể áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội;

c) Định kỳ hằng năm báo cáo tình hình thực hiện Điều lệ Sáng kiến, gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

d) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức tổng kết hoạt động sáng kiến của đơn vị, địa phương theo quy định.

4. Sở Tài chính

Trên cơ sở tổng hợp dự toán kinh phí của cơ quan được giao chủ trì thực hiện, Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh bố trí kinh phí thực hiện theo khả năng cân đối ngân sách.

Điều 29. Tổ chức thực hiện

1. Những nội dung khác liên quan hoạt động sáng kiến mà không quy định chi tiết tại Quy định này được áp dụng theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến và Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ;

2. Các tổ chức, cá nhân, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.